

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2022
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Cường

Ông Nguyễn Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Vy Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị V Th V, sinh năm 1976 (Có đơn xét xử vắng mặt)

Trú tại: Bản C M, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh K V T. Sinh năm 1974 (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

Địa chỉ: Bản L, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị V Th V trình bày:

Tình cảm: Chị V và anh K V T tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 1998. Chị V và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xá

Lượng, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 21 tháng 6 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại bản L, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An được khoảng 02 năm thì ra ở riêng. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2001, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, chị V quyết định sống ly thân với anh T từ năm 2014. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị V có nguyện vọng ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Chị V và anh T có 02 con chung tên cháu là Kh Th Th, sinh ngày 15/9/1998 và cháu Kh Th C, sinh ngày 24/4/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh K V T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại các biên bản lấy lời khai thì bà Kha Thị Phương mẹ đẻ của anh K V T trình bày: Chị V và anh T kết hôn vào năm 1998 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xá Lượng, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn chị V và anh T chung sống với gia đình bà Ph tại bản L, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An được khoảng 02 năm thì ra ở riêng. Chị V và anh T hiện nay đã sống ly thân nhau từ năm 2014. Về con chung thì chị V và anh T có 02 con chung tên cháu là Kh Th Th, sinh ngày 15/9/1998 và cháu Kh Th C, sinh ngày 24/4/2001 hiện đã trưởng thành, đã có gia đình riêng. Bà Ph gọi điện hỏi ý kiến của anh T thì anh T trình bày như sau: Về tình cảm: Anh T đồng ý ly hôn với chị V; về con chung: Cháu Kh Th Th và Kh Th C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Văn bản của Tòa án nhân dân huyện T D tổng đạt cho anh T thì anh T đã được bà Phương báo lại nhưng do anh T đi làm ăn xa, phương tiện đi lại khó khăn, nên không thể về giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh K V T có hộ khẩu thường trú tại bản L, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An và đăng ký kết hôn với chị V Th V tại UBND xã Xá Lượng, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày vào ngày 21 tháng 6 năm 2004 và có 02 con chung là cháu Kh Th Th, sinh năm 1998 và cháu Kh Th

C, sinh năm 2001. Anh T đi làm ăn xa, thường xuyên liên lạc với gia đình. Chị V và anh T sống ly thân từ năm 2014.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị V Th V cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị V Th V được ly hôn với anh K V T; Con Chung: Cháu Kha Thị Thái, sinh năm 1998 và cháu Kha Thị Cánh, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị V chịu Toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh K V T có hộ khẩu thường trú tại bản Lở, xã Xá Lượng, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị V Th V và bị đơn anh K V T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn mặc dù bị đơn thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình, do đó có căn cứ khẳng định bị đơn cố tình dấu địa chỉ, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T kết hôn với nhau vào năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã Xá Lượng,

huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 30 ngày 21/6/2004 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

- Tình cảm: Chị V và anh T có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài từ năm 2014, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị V và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Con chung: Chị V và anh T có 02 con chung cháu là Kh Th Th, sinh ngày 15/9/1998 và cháu Kh Th C, sinh ngày 24/4/2001, hiện các cháu đã trưởng thành không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị V Th V chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ Hôn nhân: Chấp nhận cho chị V Th V được ly hôn với anh K V T.

2. Con chung: Cháu là Kha Thị Thái, sinh ngày 15/9/1998 và cháu Kha Thị Cánh, sinh ngày 24/4/2001 đã trưởng thành.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị V Th V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010557 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã Xá Lượng ;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ái